

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/KDTM-PT**
Ngày: 14-3-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng lắp đặt
hệ thống phòng cháy chữa cháy”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Bà Trần Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Viết Hạnh
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 12
năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 6 năm
2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXPT-KDTM ngày 10
tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐ-PT ngày 04
tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Giang N - Chủ DNTN phòng cháy chữa cháy T.
Địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh
năm 1988 và ông Dương Đức V, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy
quyền ngày 18/9/2022).

2. Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng G.
Địa chỉ: Xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông GU B, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH S.

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KIM IN S, chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

3.2. Công ty TNHH PCCC Q

Địa chỉ: Phường L, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S, chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Giang N – Chủ DNTN phòng cháy chữa cháy T, là nguyên đơn.

(Ông Nguyễn Trung T, ông Dương Đức V và bà Nguyễn Thị Yến N có mặt, người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Dương Đức V trình bày:*

Vào ngày 10/12/2020, Doanh nghiệp tư nhân PCCC T (gọi tắt là DN T) có ký kết hợp đồng kinh tế số 79/HĐKT-TĐ/2020 với Công ty TNHH Xây dựng G (gọi tắt Công ty G) để cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho Công ty TNHH S, thi công tại địa chỉ Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai với các thông tin cụ thể như sau:

* Giá trị hợp đồng thanh toán:

- Giá trị hợp đồng thanh toán trước thuế: 1.360.009.000 đồng.

- Thuế VAT 10%: 136.000.900 VNĐ.

- Tổng cộng sau thuế: 1.496.009.900 đồng.

* Thanh toán: chuyển khoản.

- Đợt 1: Sau ký ký hợp đồng và nhập 1 phần vật tư: ống, sắt vào công trình thì bên A tạm ứng trước cho bên B 60% giá trị hợp đồng sau thuế.

- Đợt 2: Sau khi Bên B hoàn thành xong khối lượng theo hợp đồng, bàn giao thiết bị lắp đặt hệ thống, nghiệm thu thực tế xong thì bên A sẽ thanh toán cho bên B 25% giá trị hợp đồng sau thuế.

- Đợt 3: Sau khi bên B cung cấp đầy đủ tất cả các loại giấy tờ nghiệm thu PCCC thì bên A sẽ thanh toán cho bên B 15% giá trị hợp đồng sau thuế còn lại, chậm nhất trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ PCCC.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty TNHH G đã thanh toán tiền đợt 1 và đợt 2. Đến ngày 06/5/2021, tiến hành ký biên bản bàn giao nghiệm thu giữa 03 bên là: Doanh nghiệp tư nhân T, Công ty G và Công ty TNHH S nhưng phía Công ty G không tiến hành thanh toán đợt 3 theo hợp đồng đã ký kết. Doanh nghiệp tư nhân T đã nhiều lần liên hệ trực tiếp và điện thoại nhưng bên Công ty G không có thiện chí thanh toán. Vì vậy, ông Phạm Giang N – Chủ doanh nghiệp tư nhân T yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty TNHH Xây dựng G phải trả cho ông Phạm Giang N -Doanh nghiệp tư nhân PCCC T số tiền còn lại là 224.401.485đ theo hợp đồng kinh tế số tiền phải thanh toán đợt 3 và lãi suất 10%/năm, quy ra 0.833%/tháng tính từ ngày từ 06/5/2021 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm 22/5/2024 là 66.572.440 đồng, tổng cộng: 290.973.925 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 09/4/2024 và các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có bà Nguyễn Thị Yến N đại diện trình bày:*

Ngày 10/12/2020, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng kinh tế số 79/HĐKT-TĐ/2020 để cung cấp lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Công ty TNHH S, địa chỉ Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai, điều khoản thanh toán của hợp đồng như sau:

Tổng giá trị trước thuế: 1.360.000.000 đồng (Một tỉ ba trăm sáu mươi triệu đồng). Tổng giá trị sau thuế: 1.469.009.900 đồng (Một tỉ bốn trăm sáu mươi chín triệu không trăm lẻ chín ngàn chín trăm đồng).

Thanh toán thành các đợt:

Đợt 1: Sau khi ký hợp đồng và nhập 1 phần vật tư, ông sắt vào công trình thì bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 60% giá trị Hợp đồng sau thuế.

Đợt 2: Sau khi Nguyên đơn hoàn thành xong khối lượng theo hợp đồng bàn giao thiết bị lắp đặt hệ thống, nghiệm thu thực tế xong thì bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn 25% giá trị Hợp đồng sau thuế.

Đợt 3: Sau khi nguyên đơn cung cấp đầy đủ tất cả các loại giấy tờ nghiệm thu PCCC thì bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn 15% giá trị hợp đồng sau thuế còn lại, chậm nhất trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ PCCC.

Qua đó, sau khi nguyên đơn cung cấp đầy đủ vật tư, hoàn thành khối lượng theo hợp đồng, bị đơn đã thanh toán đầy đủ Đợt 1 và Đợt 2 cho nguyên đơn tổng số tiền là: 1.271.608.415 đồng (Một tỉ hai trăm bảy mươi một triệu sáu trăm lẻ tám nghìn bốn trăm mười lăm đồng).

Căn cứ vào Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 79/HĐKT-TĐ/2020, nguyên đơn phải cung cấp đầy đủ tất cả các loại giấy tờ nghiệm thu phòng cháy chữa cháy thì bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn 15% giá trị hợp đồng còn lại. Do chưa được nghiệm thu nên hệ thống lắp đặt phòng cháy chữa cháy chưa đi vào hoạt động được nên bị đơn đã nhiều lần gửi thư đề nghị nguyên đơn cung cấp các loại giấy tờ nghiệm thu PCCC, cụ thể ngày 19/05/2021 và ngày 06/01/2022 bị đơn có

gửi thư đề nghị nguyên đơn cung cấp giấy tờ nghiệm thu PCCC nhưng nguyên đơn đã không thực hiện, không phúc đáp. Do nguyên đơn không thực hiện đúng quy định hợp đồng nên bị đơn đã phải yêu cầu Công ty TNHH S thuê một đơn vị thứ ba hoàn thành giấy tờ nghiệm thu PCCC, vì vậy bị đơn không thanh toán Đợt 3 cho nguyên đơn.

Cơ sở pháp lý yêu cầu nguyên đơn cung cấp giấy tờ nghiệm thu phòng cháy chữa cháy: Căn cứ vào nội dung Hợp đồng giữa hai bên ký kết, căn cứ vào Bảng báo giá và Biên bản nghiệm thu giữa các bên thì các thiết bị được lắp đặt cho hệ thống PCCC nên Hợp đồng không chỉ chịu điều chỉnh bởi Luật Dân sự và Luật Thương mại còn chịu điều chỉnh của Luật Phòng cháy chữa cháy và các Nghị định hướng dẫn liên quan Luật Phòng cháy chữa cháy.

Căn cứ Điều 404, Bộ luật dân sự quy định “*Các điều khoản trong hợp đồng phải được giải thích trong mối liên hệ với nhau, sao cho ý nghĩa của các điều khoản đó phù hợp với toàn bộ nội dung của hợp đồng*”. Vì vậy, tại Điều 4 quy định Đợt 3 thanh toán sau khi bên B (tức nguyên đơn) cung cấp đầy đủ tất cả các loại giấy tờ nghiệm thu PCCC. Tại mục 2 Điều 4 quy định “Trách nhiệm của Bên B (tức nguyên đơn) phải hoàn thành tất cả các loại giấy phép và cung cấp đủ hồ sơ PCCC đã được thẩm duyệt. Như vậy, giấy tờ nghiệm thu PCCC được quy định tại điều này là Hồ sơ PCCC đã được thẩm duyệt của Cơ quan nhà nước.

Căn cứ khoản 2, Điều 15, Nghị định 136/2020/ND-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy gồm các loại giấy tờ sau:

- + Bản sao Giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy.

- + Các biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

- + Các bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hạng mục liên quan đến phòng cháy và chữa cháy phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.

- + Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của công trình, phương tiện giao thông cơ giới.

- + Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy.

- + Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào sử dụng.

Căn cứ vào các điều khoản trên, bị đơn đã nhiều lần gửi thư đề nghị cho nguyên đơn, cụ thể ngày 19/5/2021, bị đơn gửi thư yêu cầu nguyên đơn trả lời “khi

nào nhận được giấy phép và đầy đủ giấy tờ PCCC đã được thẩm duyệt". Ngày 06/1/2022, bị đơn yêu cầu "hoàn thành và sửa chữa hệ thống báo cháy và cung cấp các giấy tờ nghiệm thu có liên quan PCCC". Tuy nhiên, nguyên đơn đã nhận được thư đề nghị bằng văn bản, nhưng không phúc đáp đúng thời hạn theo yêu cầu, không thực hiện cung cấp đúng hồ sơ nghiệm thu PCCC như yêu cầu trong hợp đồng và cũng không nêu thời gian cam kết sẽ thực hiện. Vì vậy, bị đơn có đầy đủ cơ sở không thanh toán phần còn lại cho nguyên đơn vì nguyên đơn không đáp ứng điều kiện thanh toán.

Căn cứ vào bản tự khai và các tài liệu nguyên đơn cung cấp cho Toà án, thì nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng minh nguyên đơn cung cấp đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng là hồ sơ phòng cháy chữa cháy, không cung cấp đủ hồ sơ theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định 136/2020/NĐ - CP của Chính Phủ liên quan đến hồ sơ phòng cháy chữa cháy.

Biên bản bàn giao nghiệm thu mà nguyên đơn cung cấp cho Toà án là biên bản bàn giao các thiết bị, không phải là hồ sơ nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy, nó chỉ ghi nhận nguyên đơn cung cấp các thiết bị như trong hợp đồng và có sự xác nhận giữa các bên. Ngoài ra, tại Biên bản bàn giao nghiệm thu này, tại phần chữ ký của đại diện bị đơn không có con dấu của bị đơn. Như vậy, giá trị pháp lý trên biên bản bàn giao nghiệm thu này chỉ có giá trị xác nhận, không có giá trị pháp lý vì căn cứ theo khoản 3, Điều 43 Luật Doanh nghiệp quy định: Doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật". Bị đơn không đóng dấu lên văn bản này chứng tỏ giao dịch này chưa hoàn tất và không có giá trị pháp lý.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2023, nguyên đơn có nêu là kể từ ngày 6/5/2021 đã bàn giao hồ sơ phòng cháy, chữa cháy, nhưng nguyên đơn không cung cấp được các hồ sơ nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy mà nguyên đơn đã bàn giao là gì cho Toà án ngoài biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị.

Từ những phân tích trên, nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng, không cung cấp hồ sơ nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy cho bị đơn. Vì vậy, bị đơn không có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định của Hợp đồng, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S có ý kiến tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/5/2024:*

Công ty TNHH S có xây dựng nhà máy tại địa chỉ Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào thời điểm năm 2020, Công ty S có giao phần lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy cho Công ty TNHH xây dựng G thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty G có tiến hành ký kết hợp đồng với đơn vị thứ ba để hoàn thiện toàn bộ hệ thống phòng cháy, chữa cháy và giấy phép để đưa vào công trình vào hoạt động. Công ty có ký Biên bản bàn giao nghiệm thu về việc cung cấp lắp đặt hệ thống PCCC vào ngày 06/5/2021 với bị đơn và nguyên đơn, tuy nhiên vào thời điểm này vẫn chưa có giấy phép PCCC để đưa công trình vào hoạt động, sau đó Công ty S đã có nhiều lần yêu cầu bị đơn hoàn thiện giấy phép nhưng bị đơn không làm việc được với nguyên đơn, vì vậy chúng tôi đã liên hệ thỏa thuận với

Công ty TNHH PCCC Q để họ hoàn thiện giấy phép đưa công trình vào hoạt động. Điều đó được chứng minh bởi:

- Biên bản kiểm tra về PCCC và cứu nạn, cứu hộ của Công an tỉnh Đồng Nai 04/6/2021.

- Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC của Công an tỉnh Đồng Nai ngày 30/5/2022.

- Văn bản chấp thuận của Công an tỉnh Đồng Nai về nghiệm thu PCCC ngày 03/6/2022.

Tất cả các kết quả nghiệm thu về PCCC và làm việc với Công an PCCC đều do Công ty TNHH PCCC Q làm việc và hoàn thiện.

Công ty TNHH S yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Tại bản tự khai ngày 27/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH PCCC Q do ông Nguyễn Văn S đại diện trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên Công ty TNHH S có liên hệ với ông nhờ làm thủ tục pháp lý hoàn tất hồ sơ nghiệm thu PCCC. Khi làm thủ tục nghiệm thu PCCC, không có lập bất kỳ hợp đồng kinh tế gì, ông chỉ hỗ trợ do thân tình và cũng không nhận tiền thù lao gì. Phía đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày, chủ đầu tư Công ty S trực tiếp làm hợp đồng với Công ty PCCC Q lắp đặt hệ thống PCCC và hoàn tất hồ sơ nghiệm thu PCCC là không đúng, hệ thống PCCC đã được công ty nào lắp đặt thì ông không biết, Công ty Q chỉ thực hiện hoàn tất hồ sơ nghiệm thu PCCC cho Công ty S đưa vào hoạt động.

Công ty Q thực hiện việc nghiệm thu PCCC và ký biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC ngày 30/5/2022. Ông xác định Công ty Q không có liên quan hay yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, Công ty Q không làm việc hay ký kết hợp đồng gì với Công ty TNHH xây dựng G. Công ty TNHH PCCC Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2024/KDTM-ST ngày 28/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã Áp dụng Điều 34, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005; khoản 2, Điều 15, Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Giang N – Chủ DNTN Phòng cháy chữa cháy T. Ngoài bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 01/7/2024, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do cấp sơ thẩm chưa xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn không cung cấp được hồ sơ nghiệm thu phòng cháy chữa cháy là vi phạm Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 79/HĐKT-TĐ/2020 ngày 10/12/2020 ký giữa hai bên nên không đủ điều kiện thanh toán tiền đợt 3 theo thỏa thuận tại hợp đồng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn gửi đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng có đương sự vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 10/12/2020, nguyên đơn ông Phạm Giang N – Chủ DNTN Phòng cháy chữa cháy T và bị đơn Công ty TNHH Xây dựng G ký kết Hợp đồng kinh tế số 79/HĐKT-TĐ/2020 về việc lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Theo Hợp đồng, nguyên đơn cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho bị đơn theo Bảng báo giá ngày 04/11/2020 của nguyên đơn với giá trị hợp đồng trước thuế là 1.360.009.000đ, giá trị thanh toán sau thuế là 1.496.009.900đ, thanh toán làm 03 đợt; địa điểm thi công là tại công trình Công ty TNHH S – Nhà máy S; thời gian thực hiện hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Hệ thống phòng cháy đã được lắp đặt xong, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn giá trị hợp đồng sau thuế của đợt 1 và đợt 2 với tổng số tiền 1.271.608.415đ, chưa thanh toán tiền đợt 3 theo thỏa thuận là 224.401.485đ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán kể từ ngày 06/5/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[3] Về kháng cáo:

[3.1] Tại mục 2 Điều 4 của Hợp đồng kinh tế số 79/HĐKT-TĐ/2020 ngày 10/12/2020, các bên thỏa thuận phân trách nhiệm của nguyên đơn là phải hoàn thành tất cả giấy phép và cung cấp đầy đủ hồ sơ phòng cháy chữa cháy đã được thẩm duyệt cho bị đơn. Cũng tại Điều 4 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận về điều kiện thanh toán tiền đợt 3 là sau khi nguyên đơn cung cấp đầy đủ tất cả các loại giấy tờ nghiệm thu phòng cháy chữa cháy, chậm nhất trong vòng 07 ngày bị đơn phải thanh toán. Và Tại Bảng báo giá ngày 04/11/2020, nguyên đơn báo giá giá trị trước thuế của hợp đồng gồm 06 phần với tổng số tiền 1.360.009.000đ, trong đó phần VI là phần báo giá bộ hồ sơ thẩm duyệt nghiệm thu phòng cháy chữa cháy với số tiền là 140.000.000đ nên nguyên đơn cho rằng hồ sơ thẩm duyệt nghiệm thu phòng cháy chữa cháy do bị đơn thực hiện, không thuộc trách nhiệm, công việc của nguyên đơn phải thực hiện là không phù hợp.

[3.2] Nguyên đơn có trách nhiệm hoàn thành tất cả giấy phép và cung cấp đầy đủ hồ sơ phòng cháy chữa cháy đã được thẩm duyệt cho bị đơn nhưng không thực hiện, không cung cấp đầy đủ các giấy tờ nghiệm thu phòng cháy chữa cháy

được thẩm duyệt nên chưa đủ điều kiện thanh toán nên cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, đồng thời điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy” do cấp sơ thẩm xác định chưa chính xác và bổ sung điều luật áp dụng giải quyết tranh chấp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo bản án sơ thẩm đã tuyên và án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Phạm Giang N - Chủ DNTN phòng cháy chữa cháy T, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng các Điều 34, 50, 55 của Luật Thương mại; các Điều 138, 139, 140, 141 của Luật Xây dựng; khoản 2 Điều 15 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Giang N – Chủ DNTN phòng cháy chữa cháy T.

2. Về án phí:

2.1. Án phí KDTM sơ thẩm: Ông Phạm Giang N – Chủ DNTN phòng cháy chữa cháy Tiến Đạt phải chịu 14.548.696 đồng (Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.357.700 đồng theo biên lai thu số 0008979 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông Phạm Giang N còn phải nộp tiếp số tiền 8.190.996 đồng (Tám triệu một trăm chín mươi nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng).

2.2. Án phí KDTM phúc thẩm: Ông Phạm Giang N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân PCCC T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0016101 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông Phạm Giang N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Hưng